

**1. Look at the sentences...**

(Nhìn các câu dưới đây. Xếp các từ gạch chân vào đúng cột.)

Stressed	Unstressed
Didn't, picture	They
She (B)	She (A), her
Who, he	
Am	Are

**2. Choose the best answer...**

(Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau.)

1. C	2. A	3. D	4. A	5. D
6. C	7. C	8. B	9. B	10. A

**3. Complete each sentence...**

(Hoàn thành các câu sau sử dụng động từ ở cột A kết hợp với giới từ ở cột B, có thể sử dụng một giới từ nhiều lần.)

1. give up	2. dealt with
3. live up	4. go on
5. brought out	6. broke down
7. ran out	8. keep up
9. turned down	10. set off

**Hướng dẫn dịch:**

1. Đừng từ bỏ việc luyện tập. Bạn đang cố gắng rất tốt.

2. Mai giải quyết căng thẳng bằng cách tập yoga.
3. Hoàng đã buồn vì cậu ấy không được như mong đợi của bố mẹ.
4. Nếu họ tiếp tục chặt cây, thành phố sẽ mất đi vẻ đẹp.
5. Ban nhạc của chúng tôi vừa cho ra album thứ 2.
6. Chúng tôi bỏ lỡ phần đầu của bộ phim vì xe máy của chúng tôi hỏng trên đường đến rạp chiếu phim.
7. Cô ấy muốn đan một chiếc khăn, nhưng cô ấy hết len trước khi hoàn thành.
8. Nếu bạn không giữ thói quen tập luyện hàng ngày, bạn sẽ tăng cân nhiều hơn.
9. Đề nghị của họ về việc xây một tòa nhà chọc trời nữa trong thành phố bị từ chối vì nó quá nguy hiểm.
10. Mấy giờ bạn muốn khởi hành đi đến Hải Dương?

**4. Complete each sentence...**

*(Hoàn thành các câu sau với dạng đúng của động từ cho trong ngoặc.)*

1. attractions	2. paintings
3. embroidery	4. Unemployment
5. forbidden	6. populous/populated
7. historic	8. embarrassed
9. Confidence	10. informed

**Hướng dẫn dịch:**

1. Một trong những điểm thu hút khách du lịch ở quê tôi là chợ truyền thống được mở vào mỗi Chủ nhật.

2. Sự khác biệt giữa tranh Đông Hồ và tranh Sinh là gì?
3. Đây là một bức tranh thêu rất đẹp.
4. Thất nghiệp là một trong những vấn đề lớn nhất của thành phố.
5. Chụp ảnh bị nghiêm cấm trong bảo tàng.
6. Bạn có biết thành phố nào đông dân nhất trong vùng không?
7. Hãy nhớ đến thăm phố cổ vì nó là công trình lịch sử duy nhất trong vùng của chúng ta.
8. Tôi cảm thấy rất xấu hổ vì tôi không thể chạy nhanh như bạn mình.
9. Sự tự tin có thể giúp bạn thành công trong nhiều lĩnh vực.
10. Hãy tìm hiểu thêm về công việc để bạn có thể đưa ra một quyết định với đầy đủ thông tin.

### 5. Identify a mistake...

*(Tìm ra lỗi sai trong mỗi câu sau và sửa chúng.)*

1. although → because/since/as
2. most → more
3. get on → get on with
4. what → how
5. stressful → stressed

### 6. Read some students' opinions...

#### **Hướng dẫn dịch:**

**Nga**

Bảo tồn một số công trình cổ mang tính lịch sử cho những thế hệ tương lai là cần thiết. Chúng ta có thể xây dựng những tòa nhà hiện đại bất cứ lúc nào. Tuy nhiên, một khi công trình cổ bị phá hủy, chúng ta không thể đưa chúng trở về ban đầu được nữa. Chúng ta có thể thấy những công trình này vô dụng ở hiện tại, nhưng trong tương lai xa, chúng có thể trở nên rất quan trọng với hậu duệ của chúng ta. Chúng ta có thể tận mắt thấy những công trình đó, không chỉ là nhìn vào tranh ảnh, hoặc đọc miêu tả về chúng.

**Trang**

Chúng ta nên bảo tồn những di tích lịch sử bởi chúng có giá trị giáo dục. Cụ thể, di tích lịch sử là những địa điểm nổi tiếng cho hoạt động ngoại khóa ở trường học., từ tiểu học đến trung học. Thực tế, lớp tôi đã từng được đưa đến Văn Miếu, trường đại học đầu tiên của Việt Nam, khi học lớp 5. Đó là một trải nghiệm thú vị bởi nó giúp tôi và các bạn hiểu thêm về hệ thống giáo dục thời xưa.

**Long**

Các công trình cổ có tính lịch sử có thể trở thành điểm thu hút khách du lịch thú vị. Chúng ta có thể bị kinh ngạc, hoặc ngưỡng mộ bởi vẻ đẹp đặc biệt của chúng. Người dân địa phương có thể trải nghiệm về lịch sử đất nước, nhưng khách nước ngoài còn muốn tận mắt thấy những công trình đó. Họ đến từ những nền văn hóa khác nhau và muốn trải nghiệm thứ gì đó mới mẻ.

**a.** Match the words in A with their definition in B.

1. B	2. D	3. E	4. A	5. C
------	------	------	------	------

**b.** Which student ...

*(Nga, Trang hoặc Long đề cập đến những điểm nào? Tích vào trong cột tương ứng)*

1. Trang
2. Long
3. Nga
4. Trang
5. Long
7. Put an appropriate word...

(Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau.)

1. been	2. if/whether
3. most/biggest/greatest	4. reason
5. children	6. example
7. time/opportunity	8. too
9. most	10. with

**Hướng dẫn dịch:**

Tôi đã làm việc với nhiều thanh thiếu niên trong vòng 5 năm. Tôi dành thời gian nói chuyện với các em bên cạnh việc dạy tiếng Anh cho các em. Tôi nhớ một lần tôi hỏi các em xem bố mẹ hay bạn cùng lớp có ảnh hưởng đến sự thành công ở trường của các em không. Một vài em nói bố mẹ là sự ảnh hưởng lớn nhất trong những thành tựu của các em. Lý do đưa ra là vì bố mẹ yêu thương chúng vô điều kiện, và họ luôn làm điều tốt nhất để giúp đỡ và hỗ trợ những đứa con. Ví dụ, bố mẹ có thể làm tất cả việc nhà để các con có thể có thời gian cho việc học.

Tuy nhiên, một số học sinh tiết lộ rằng bố mẹ quá bận rộn để có thời gian với mình. Vì vậy, thật khó để bố mẹ giúp đỡ các con. Trong trường hợp đó, các bạn

cùng lớp hoặc bạn bè ảnh hưởng đến sự thành công nhiều nhất bởi chúng nói chuyện với nhau nhiều hơn và giúp đỡ nhau với những khó khăn trong học tập.

8. Complete the second sentence...

*(Hoàn thành câu thứ hai có nghĩa giống như câu thứ nhất, sử dụng những từ cho sẵn)*

1. I have no idea when to take that English test.
2. The prospect of moving to a new flat on the outskirts of Ha Noi cheered me up.
3. Why did you dress up yesterday?
4. We went out for a picnic although the weather was bad.
5. His parents haven't decided who to consult to deal with their son's problem.